TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN M **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 519/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN M – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Đặng Đình Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân Quận M.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên toà: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 387/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5412/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5755/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th
Địa chỉ: 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn D hoặc ông Bùi Xuân Qu
Địa chỉ: Lầu 2, số 69 đường C, Phường B, Quận B, Thành phố H.
(Giấy ủy quyền số 26429/2018/UQ-VPB ngày 10 tháng 8 năm 2018).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Phú V, sinh năm 1980
Địa chỉ: 18 đường P, Phường M, quận Bình Thạnh, Thành phố H.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Th có ông Bùi Xuân Qu là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 10/7/2014, ông Nguyễn Tấn Phú V đã ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam Th – Chi nhánh Thành phố H (sau đây gọi là Ngân hàng) Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng), hạn mức 15.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định tại từng thời

kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã cấp cho ông V 01 thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng.

Ngày 18/7/2014, ông V ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014, số tiền vay 35.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền vay cho ông V.

Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014, ông V đã thực hiện giao dịch với số tiền 10.443.000 đồng. Kể từ ngày 21/10/2014 đến nay đã quá hạn thanh toán nhưng ông V vẫn chưa thanh toán nợ thẻ.

Đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014, ông V đã thanh toán được một phần khoản nợ với số tiền 6.400.000 đồng. Thứ tự thanh toán được thực hiện theo khoản 4 Điều 5 của hợp đồng tín dụng, ưu tiên thanh toán phí, lãi trước, nợ gốc sau. Do đó số tiền thanh toán được trừ vào nợ lãi là 5.659.017 đồng, nợ gốc là 740.983 đồng. Từ ngày 20/9/2014 ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Từ sau ngày 02/3/2015 đến nay ông V không thanh toán cho Ngân hàng nữa.

Tạm tính đến ngày 29/11/2019, ông V còn nợ Ngân hàng các khoản tiền sau:

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014: nợ gốc 10.443.000 đồng, nợ lãi 23.857.619 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014: nợ gốc 34.259.017 đồng, nợ lãi 77.434.590 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn Phú V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 tạm tính đến ngày Tòa án xét xử 29/11/2019 là 145.994.226 (một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi sáu) đồng.

Thời hạn thanh toán: trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông V có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh theo quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Tấn Phú V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử còn chậm. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Tấn Phú V có ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam Th – Chi nhánh Thành phố H (sau đây gọi là Ngân hàng) Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/4/2014, hạn mức 15.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014, số tiền vay 35.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ và thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng TMCP Việt Nam Th - Chi nhánh Thành phố H có địa chỉ trụ sở tại số 81 - 83 - 83B - 85 đường H, phường B, Quận M, Thành phố H. Nguyên đơn có đơn khởi kiện lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng (nơi ký kết, giải ngân tiền vay) theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đồng thời cũng là nơi tổ chức có chi nhánh tại Quận M, Thành phố H giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b và điểm g khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 44.702.017 đồng (gồm nợ gốc của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014 là 10.443.000 đồng; Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 là 34.259.017 đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 10/7/2014, ông Nguyễn Tấn Phú V đã ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam Th – Chi nhánh Thành phố H (sau đây gọi là Ngân hàng) Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng), hạn mức 15.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định tại từng thời

kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã cấp cho ông V 01 thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng.

Ngày 18/7/2014, ông V ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014, số tiền vay 35.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền vay cho ông V.

Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014, ông V đã thực hiện giao dịch với số tiền 10.443.000 đồng. Kể từ ngày 21/10/2014 đến nay đã quá hạn thanh toán nhưng ông V vẫn chưa thanh toán nợ thẻ.

Đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014, ông V đã thanh toán được một phần khoản nợ với số tiền 6.400.000 đồng. Thứ tự thanh toán được thực hiện theo khoản 4 Điều 5 của hợp đồng tín dụng, ưu tiên thanh toán phí, lãi trước, nợ gốc sau. Do đó số tiền thanh toán được trừ vào nợ lãi là 5.659.017 đồng, nợ gốc là 740.983 đồng. Từ ngày 20/9/2014 ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Từ sau ngày 02/3/2015 đến nay ông V không thanh toán cho Ngân hàng nữa.

Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông V phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 và mục 1.2 Điều 1, Điều 3 của Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng kèm Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/7/2014 mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên có cơ sở chấp nhận.

Ông V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng như sau:

- Nợ gốc của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014 là 10.443.000 đồng.

-Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 là 34.259.017 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc là 44.702.017 (bốn mươi bốn triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, không trăm mười bảy) đồng. (I)

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 29/11/2019 là 101.292.209 đồng (gồm lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014 là 23.857.619 đồng; lãi của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 là 77.434.590 đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

- Đối với lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014:

Theo quy định tại Điều 4 của Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng kèm Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/7/2014, lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định tại từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Theo Quyết định số 6002/2013/QĐ-TGĐ ngày 23/10/2013 của Ngân hàng về lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân thì mức lãi áp dụng đối với thẻ tín dụng hạng chuẩn (Classsic) là 26%/năm, có hiệu lực từ ngày 24/10/2013.

Theo Quyết định số 557/2015/QĐ-TGĐ ngày 22/7/2015 của Ngân hàng về lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân thì mức lãi áp dụng đối với thẻ tín dụng hạng chuẩn (Classsic) là 2,49%/tháng (29,88%/năm), có hiệu lực từ ngày 23/7/2015.

Theo Quyết định số 746/2016/QĐ-TGĐ ngày 07/9/2016 của Ngân hàng về lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân thì mức lãi áp dụng đối với thẻ tín dụng hạng chuẩn (Classsic) là 2,99%/tháng (35,88%/năm), có hiệu lực từ 05/10/2016.

Theo Quyết định số 265/2018/QĐ-TGĐ ngày 05/4/2018 của Ngân hàng về lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân thì mức lãi áp dụng đối với thẻ tín dụng hạng chuẩn (Classsic) là 2,99%/tháng (35,88%/năm), có hiệu lực từ 25/4/2018.

Ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 21/10/2014, nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 05/10/2016 là phù hợp, nên chấp nhận.

Như vậy số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc tạm tính từ ngày 21/10/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2019 là:

Dư nợ	Lãi suất	Từ ngày đến ngày	Số ngày tính lãi	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Tổng cộng
10.443.000 đồng	26%/năm	21/10/2014 - 22/7/2015	275 ngày	2.074.096 đồng		2.074.096 đồng
10.443.000 đồng	29,88%/năm	23/7/2015 - 04/10/2016	440 ngày	3.813.784 đồng		3.813.784 đồng
10.443.000 đồng	35,88%/năm	05/10/2016 - 29/11/2019	1151 ngày	11.979.827 đồng	5.989.913 đồng	17.969.740 đồng
Tổng cộng						23.857.619 đồng

Như vậy, số tiền lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014 là 23.857.619 đồng (i)

- Đối với lãi của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014:

Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 thì lãi suất cho vay trong hạn là 30%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Từ ngày 20/9/2014 ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 20/9/2014 là phù hợp, nên chấp nhận.

Như vậy số tiền lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc tính từ ngày 18/7/2014 đến ngày 19/9/2014 là 1.856.913 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 20/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2019 là 81.236.694 đồng; tổng cộng là 83.093.607 đồng.

Ông V đã thanh toán được một phần nợ lãi với số tiền là 5.659.017 đồng. Do đó, số tiền lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 là: 83.093.607 đồng – 5.659.017 đồng = 77.434.590 đồng (ii)

Do đó, số tiền lãi theo 02 hợp đồng tín dụng mà ông V có trách nhiệm thanh toán là:

(i) + (ii) = 23.857.619 đồng + 77.434.590 đồng = 101.292.209 (một trăm lẻ một triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm lẻ chín) đồng (II)

Tổng số tiền gốc và lãi theo 02 hợp đồng tín dụng mà ông V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là:

(I) + (II) = 44.702.017 + 101.292.209 đồng = 145.994.226 (một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi sáu) đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông V có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b và điểm g khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 4 Điều 161 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Tấn Phú V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 tính đến ngày 29/11/2019 là 145.994.226 (một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/7/2014 là 10.443.000 đồng và nợ lãi là 23.857.619 đồng; Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/5020/HDTD/UPL ngày 18/7/2014 là 34.259.017 đồng và nợ lãi là 77.434.590 đồng.

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Tấn Phú V có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn Phú V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.299.711 (bảy triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm mười một) đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.431.464 (hai triệu, bốn trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022410 ngày 05/12/2017 và số tiền tạm ứng án phí 758.768 (bảy trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007655 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**